TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2018
V/v: "*Tranh chấp ly hôn giữa chị Nh và anh Kh"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam
2. Bà Trần Ngọc Điệp

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2017/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2017/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 12 năm 2017. Giữa:

1.1 Nguyên đơn: Chị Trần Quỳnh Nhchị Nh, sinh năm: 1992; Địa chỉ cư trú: ấp Thạnh Vinh, xã Thạnh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (Có mặt)

1.2 Bị đơn: Anh Trần Đăng Kh, sinh năm: 1991; Địa chỉ cư trú: khu phố 3, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Chị Trần Quỳnh Nhchị Nh trình bày:

Chị và Anh Trần Đăng Kh tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý và đi đến hôn nhân với nhau vào năm 2011 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 27/12/2013.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp tánh tình, bất đồng quan điểm thường xuyên cải vả nhau. Anh Kh không quan tâm chăm sóc vợ con mà chỉ lo ăn chơi bên ngoài với bạn bè. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình chung sống chị và anh Kh không có con chung.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

Nay chị Nhkhởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị:

Về hôn nhân: Chị xin được ly hôn với Anh Trần Đăng Kh

Về con chung: Không có.

Về tài sản và nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Trần Đăng Kh từ khi Tòa án thụ lý vụ kiện cho đến nay mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng khác đúng cho anh Kh đúng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Kh không có văn bản trả lời và không đến tham gia các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ. Đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Kh vẫn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Quỳnh Nh chị Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Anh Trần Đăng Kh nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – xin ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Kh với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại khu phố 3, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, cũng như ngày mở phiên tòa lần thứ hai đều hợp lệ cho anh Kh, nhưng anh Kh đều cố tình vắng mặt không lý do, nên HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 02 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Kh.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Chị Nhvà anh Kh chung sống với nhau vào năm 2011, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 96/2013 vào ngày 27/12/2013. Do vậy việc kết hôn của chị Nhvà anh Kh đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Do đó khi có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét về mâu thuẫn giữa chị Nhvà anh Kh, lúc đầu chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống mà các cặp vợ chồng thường mắc phải, HĐXX thấy rằng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong gia đình mà anh, chị không tìm hiểu nguyên nhân từ đâu để vợ chồng cùng nhau tìm cách dàn xếp, khắc phục, tháo gỡ những mâu thuẫn, để cùng nhau làm ăn chăm lo tương lai cho con của anh, chị sau này mới phải. Nhưng ở đây anh, chị đã không làm được điều đó mà để cho mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng cho đến nay, mà đẫn đến chị Nhkhởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Kh. Đối với bị đơn anh Kh trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt.

Nay chị Nhcương quyết xin ly hôn chứ không đồng ý chung sống với anh Kh nữa. Từ những cơ sở nhận định và phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị Nhvà anh Kh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc. Do đó, chị Nhyêu cầu được ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị Nhxác định chị và anh Kh không có con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Nhxác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nhyêu cầu xin ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 01 Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Trần Quỳnh Nhchị Nh và Anh Trần Đăng Kh.

2. Về nuôi con chung: Không có con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn chị Nhphải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nhđã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008253 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Nhcó quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/01/2017. Anh Kh có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm